

895.922 334

ĐC

R 556 TH

M - BÌNH NGUYÊN LỘC
BỐN - HUỖNH VĂN NGHỆ

RỪNG THÂM SÔNG DÀI

Truyện ngắn chọn lọc

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
HỘI NGHIÊN CỨU - GIẢNG DẠY VĂN HỌC TỈNH ĐỒNG NAI

895. 922 334

R 556 T71

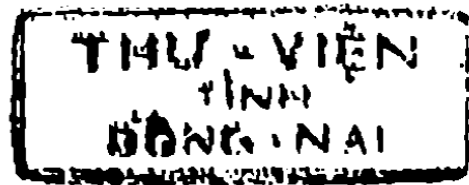
LÝ VĂN SÂM - BÌNH NGUYỄN LỘC
HOÀNG VĂN BỒN - HUỖNH VĂN NGHỆ

KÍNH - BIỂU

RỪNG THẮM SÔNG DÀI

Truyện ngắn chọn lọc

(Bùi Quang Huy tuyển chọn và giới thiệu)



2018/ĐC/VV

00001343

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
HỘI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY VĂN HỌC
TỈNH ĐỒNG NAI

-1998-

TÁC GIẢ *Đừng thối sống dài*
NHÂN SÁCH

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG :

✱

ĐN - 98

Lời giới thiệu

*Cầm trên tay tập **Rừng thẳm sông dài** hẳn bạn có nhiều ngạc nhiên. Điều đó cũng đúng thôi. Nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ viết tập hồi ký **Quê hương rừng thẳm sông dài** sau năm 1954 nhưng mãi gần đây, tháng 2.1998, bạn đọc mới được biết đến qua công trình **Thơ văn Huỳnh Văn Nghệ** (Nxb. Đồng Nai, 1998). Chúng tôi mượn tên tác phẩm Huỳnh Văn Nghệ để đặt cho tuyển tập truyện ngắn này vì lẽ những sáng tác ở đây đều có chung một đề tài, đó là con người và mảnh đất quê hương. Và điều rất ngẫu nhiên, đây cũng là những truyện ngắn hay nhất của mỗi nhà văn.*

*Những năm đầu thế kỷ 20 này, không rõ cơ duyên lịch sử hay quê hương địa linh nhân kiệt đã sản sinh cho xứ **Biên Hòa** bốn nhà văn, mỗi người một dáng vẻ nhưng không ai thay thế được họ, và đến nay có thể nói đó là các cây bút tiêu biểu trên tiến trình văn chương Đồng Nai một thế kỷ qua.*

*Bây giờ, qua mấy lần thay đổi về mặt hành chính, bốn nhà văn ở hai tỉnh khác nhau, nhưng trước đây họ là người của một huyện. Ngày 7.3.1914, **Tô Văn Tuấn** (sau này là **Bình Nguyên Lộc**) cất tiếng khóc chào đời ở làng Tân Uyên, tổng Chánh Mỹ trung, huyện Tân Uyên, rồi chưa đầy một tháng sau, ở cách đó không xa, làng Tân Tịch, tổng Chánh Mỹ hạ, ngày 2.4, **Huỳnh Văn Nghệ** - con người sau*

này sẽ làm dậy sóng Đồng Nai ra đời. Bảy năm sau, bên kia sông, làng Bình Long, tổng Chánh Mỹ thượng, ngày 17.2.1921 là vang lên tiếng khóc của Lý Văn Sâm. Như chưa đủ để làm nên diện mạo văn chương của một vùng đất, ngày 7.5.1930, quê hương giang tay đón lấy một nhà văn nữa, cũng ở làng Bình Long: Hoàng Văn Bốn. Quả là sự ngẫu nhiên mà chỉ có thể giải thích bằng "văn mạch" thiêng liêng.

Trong số bốn nhà văn có mặt ở tuyển tập này, Lý Văn Sâm và Bình Nguyễn Lộc có nhiều truyện ngắn hơn cả.

Lý Văn Sâm xuất hiện đầu tiên trên văn đàn từ năm 1941 với truyện ngắn **Cây nhị Sông Phố**. Từ đó, dù với đề tài nào, Lý Văn Sâm vẫn mặn mà với truyện ngắn. Có thể kể những tập truyện ngắn đã khiến tên tuổi Lý Văn Sâm quen thuộc với bạn đọc : **Kòn Trô** (Nxb. Tân Việt, 1949), **Sương gió biên thủy** (Nxb. Tân Việt, 1949), **Nắng bên kia làng** (Nxb. Sống Chung, 1949), **Ngoài mưa lạnh** (Nxb. Sống Chung, 1950)... Ngoài ra, Lý Văn Sâm còn viết nhiều truyện dài như: **Sau dãy Trường Sơn** (Nxb. Nam Việt, 1949), **Cỏ mọn hoa hèn** (Nxb. Nam Việt, 1949), **Mười lăm năm hận sử** (Nxb. Nam Việt, 1949), **Chiếc vòng ngọc thạch** (Nxb. Tân Việt, 1948)...Đó là chưa kể các tập kịch, kịch bản cải lương và nhiều bút ký. Song, chỉ ở truyện ngắn, Lý Văn Sâm mới bộc lộ hết bản lĩnh và tài hoa của ông. Ở đó, có thể là những người "tài cao, phận thấp" hoài vọng và kiếm tìm một cuộc sống vẫy vùng, dọc ngang. Cũng có thể là những người lầm lũi, tưởng như chìm khuất trong áo cơm vật vãnh của đời thường nhưng trong tim là ngọn lửa tự do và tình yêu quê hương đang réo gọi. Lý Văn Sâm là nhà văn đầu tiên

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỘC

của Nam bộ viết truyện đường rừng và viết rất hay. Ông cũng là nhà văn xuất sắc khi viết về người trí thức ở đô thị trên đường về lại cội nguồn dân tộc.

Bình Nguyên Lộc, trước năm 1975, như một đại thụ của văn học vùng tạm chiếm. Đến năm 1974, người ta thử thống kê, Bình Nguyên Lộc đã viết trên 1000 truyện ngắn và trên 50 tiểu thuyết. Bình Nguyên Lộc cũng là người viết nhiều sách nghiên cứu, biên khảo. Ở ông, nghĩa tình quê hương đã trở thành nỗi ám ảnh khôn nguôi. Cũng chính tình nghĩa quê hương sâu nặng ấy đã khiến nhà văn, mặc dù sống và viết trong sự kiểm tỏa của chế độ thực dân - tay sai, có lúc vẫn bất chấp, thẳng tay phê phán cả chế độ bù nhìn. Do sớm sống bằng nghề bút, có vốn văn hóa sâu rộng, sáng tác của Bình Nguyên Lộc thể hiện sự điêu luyện của những bậc văn tài. Những sáng tác được tuyển chọn ở đây tiêu biểu cho truyện ngắn Bình Nguyên Lộc ở cả hai khía cạnh đó.

*Hoàng Văn Bổng viết văn từ những năm năm mươi. Từ đó, dù ở vào hoàn cảnh khá ngặt nghèo giữa chiến trường ác liệt, ông vẫn chọn cho mình thể loại văn học "nặng nề" nhất - tiểu thuyết, để cày xới. Những bộ tiểu thuyết: **Vỡ đất, Trên mảnh đất này, Bông hường bông cúc, Mùa mưa, Miền đất ven sông, Khắc nghiệt, Nước mắt già biệt..** không chỉ đánh dấu sự trưởng thành ở ngòi bút Hoàng Văn Bổng mà còn ghi dấu từng chặng đường của quê hương nhà văn. Truyện ngắn Hoàng Văn Bổng chiếm không nhiều trong cuộc đời sáng tác của ông nhưng lại có giá trị như là sự kết tinh những gì tài hoa và nghĩ suy của nhà văn một cách tình cờ.*

Mọi người biết nhiều đến Huỳnh Văn Nghệ, một

nhà thơ. Những phát hiện mới từ di bút của Huỳnh Văn Nghệ cho thấy "vị tướng" từng múa gươm vùng bút này đã có những phút giây trầm lắng ngồi chép lại "lịch sử của quê hương", tắm mát một lần nữa tâm hồn mình trong dòng sông tuổi thơ. Do đó, tuy không nhiều, nhưng những sáng tác văn xuôi của Huỳnh Văn Nghệ giúp người đọc hiểu sâu hơn nguồn mạch tâm hồn nhà thơ đặc biệt này.

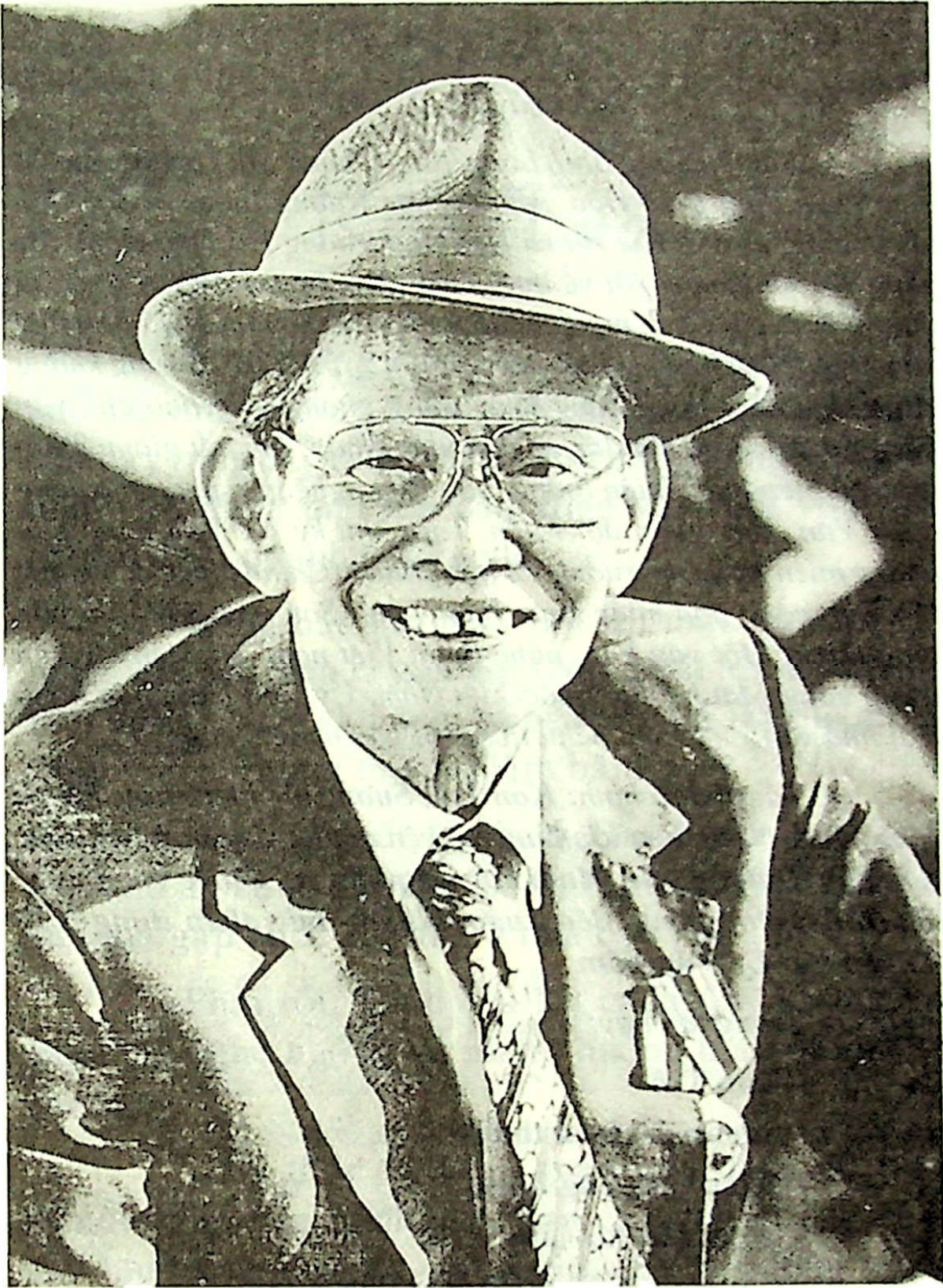
Từng nhà văn trong tuyển tập này đã xuất hiện nhiều lần với bạn đọc. Nhưng đây là lần đầu tiên bốn người con yêu quý của quê hương Biên Hòa - Đồng Nai cùng có mặt trong một tập sách. Do đó, có những truyện ngắn từng in ở tập này hay tập khác, nhưng cũng có những tác phẩm ra đời cách trên bốn mươi năm bây giờ mới có dịp tái ngộ cùng bạn đọc. Có thể bạn đọc chưa thỏa mãn với tập sách hoặc mong muốn có mặt truyện ngắn này hay truyện ngắn kia. Song, do điều kiện của một tuyển tập, chúng tôi khó có thể đáp ứng được. Tập sách này cũng là ấn phẩm đầu tiên của Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học tỉnh Đồng Nai.

Xin cảm ơn các nhà nghiên cứu, nhà văn: Nguyễn Văn Sâm, Thế Phong, Lữ Quốc Văn đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi trong việc sưu tập tư liệu các nhà văn.

Biên Hòa, ngày 18.11.1998

BÙI QUANG HUY

(Tổng thư ký Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học tỉnh Đồng Nai)



Nhà văn LÝ VĂN SÂM

LÝ VĂN SÂM

(Sinh ngày 17- 2- 1921)

Sinh tại làng Bình Long, tổng Chánh Mỹ Thượng, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. sau khi học trường làng, về Sài Gòn học trường Petrus Ký, rồi ra Huế học trường Hồ Đắc Đàm, lấy bằng Thành Chung rồi về quê, theo cha lên Trị An cai quản lò than. Tham gia Cách mạng từ năm 1936. Đến năm 1945, thoát ly hẳn tham gia kháng chiến. Từ năm 1945- 1975, khi ở vùng kháng chiến, khi hoạt động công khai trong phong trào báo chí, văn nghệ tại Sài Gòn. Hai lần bị thực dân Pháp, Mỹ bắt giam. Từng là: Chủ biên báo Chiến thắng, báo Văn nghệ giải phóng, trưởng đoàn Văn công quân đội Miền, Tổng thư ký hội Văn nghệ giải phóng miền Nam, vụ trưởng Vụ nghệ thuật (Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam). Sau năm 1975, là phó tổng thư ký Hội văn học- nghệ thuật Việt nam, Ủy viên Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Ủy viên ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội văn nghệ Đồng Nai...

Tác phẩm chính: *Kòn Trô, Sương gió biên thủy, Ngoài mùa lạnh, Nắng bên kia làng* (truyện ngắn), *Cổ mộ hoa hèn, Sau đây Trường sơn, Mười lăm năm hận sử, Chiếc vòng ngọc thạch* (truyện ngắn), *Bến xuân, Những bức chân dung* (kỷ). **Tuyển tập Lý Văn Sâm...**

Trong tập này:

- Kòn Trô
- Sương gió biên thủy
- Ngàn sau sông Dịch
- Nắng bên kia làng
- Chuyện người thổi sáo ở Bến Xuân

Kòn Trô

Phụng dừng ngựa lại dưới chân một trái đồi nhỏ để tìm phương hướng. Nàng nhìn quanh mình, chỉ thấy rừng cây trùng điệp chìm trong bóng tối mờ mang và ngựa mặt lên cao cũng vẫn một vòm trời chót vót tối om như địa ngục.

Phụng bắt đầu thấy bối rối mặc dù xưa nay nàng vẫn có tiếng là gan góc. Nàng bắt loa tay hú dài một tiếng : rừng sâu đem tiếng vang trả lại cho nàng. Thất vọng, Phụng thở dài lẩm bẩm :

-Bây giờ biết Lành và Đại ở đâu mà tìm ? Hai anh ấy cũng đến lạc lối như ta thôi. Khổ quá ! Đi sẵn mà gặp bước này thà ở nhà còn hơn !

-Phải rồi. Thác Mu Mi cách đây không xa, mình cứ nghe ngóng và nhắm hướng thác đổ mà về thì đúng.

Nàng thúc ngựa đi mau qua đám đế khô. Nhiều lần nàng bị những cành cây như những cánh tay lực lưỡng chìa ra, gạt nàng suýt té xuống ngựa.

Mãi đến khi gà rừng cất tiếng gáy đầu tiên, Phụng thấy mình vẫn còn lạc lõng giữa thâm khuya. Nàng mân mê đốc dao găm giắt bên sườn, tự nhủ :

-Một liều, ba bảy cũng liều ! Súng, thì Lành và Đại mỗi người mang một cây. Số mạng ta đành gửi vào ngọn khí giới cỏn con này vậy !

Phụng cúi ôm cổ ngựa, nằm rạp mình, mặc cho nó muốn đưa đi đâu thì đưa. Tiếng thác đã tắt từ lâu không còn nghe rõ nữa...

* *

*

Phụng tỉnh lại, thấy mình đang nằm trên một chiếc giường tre lót nệm cỏ. Một người đàn ông khoanh tay im lặng bên giường, nhìn nàng. Phụng nghe nơi trán mình ê ê liền đưa tay lên định xem xét. Người đàn ông nãy giờ vẫn ngồi bên, ngăn tay nàng, lễ phép nói :

-Thưa bà, bà đừng cử động mạnh, máu ra nhiều... Bà để yên độ nửa giờ ngải sẽ hàn bớt vết thương và ngăn không cho máu chảy ra nữa. Giờ, bà cứ nằm tĩnh dưỡng, đừng lo ngại gì hết !

-Nhưng, thưa ngài, - Phụng hỏi - Tôi muốn biết hiện giờ tôi đang ở đâu ?

Nàng vừa hỏi vừa đưa mắt nhìn người đàn

ông từ đầu đến chân. Gã còn trẻ lắm. Mặt tròn, mắt sáng, đôi môi lúc nào cũng dành sẵn một nụ cười. Màu da ngăm ngăm đen, lóng như đồng, tỏ rõ gã có rất nhiều sức mạnh. Gã mặc theo kiểu người đi săn, đầu đội nón vành lớn, chân đi ủng da đen. Trông gã oai nghi, hùng dũng lắm.

Gã biết Phụng đang tò mò nhìn, liền ngồi thẳng lên nhìn lại Phụng. Bốn luồng nhôn tuyền vừa gặp nhau đã vội tránh nhau.

Nghe Phụng hỏi, gã mỉm cười, hỏi lại :

-Bà có nghe người ta nói đến tên Kòn Trô lần nào không ?

Phụng ngạc nhiên, trả lời :

-Có ! Tôi vừa tới đây đã nghe người ta nói ở vùng này có một tướng cướp lợi hại tên là Kòn Trô thường hay đón ô tô du khách để đoạt tiền, hoặc bắt cóc người ta. Nhưng thưa ngài, tại sao ngài hỏi tôi câu ấy ?

-Vậy thì bà hiện đang nằm trong đại trại của Kòn Trô.

Phụng đứng phắt lên, trợn mắt :

-Ngài là... Kòn Trô ?

Người đàn ông cũng đứng lên theo, gật đầu:

-Vâng !

Phụng hãi hùng liếc nhìn quanh để tìm sự cứu cứu. Trước mắt nàng, Kòn Trô đứng chắn ngang như một pho tượng đá. Không kịp nghĩ ngợi, nàng nhảy tới một bước, rút dao găm đâm vào ngực Kòn Trô một nhát.

Kòn Trô né mình sang một bên, đưa hai tay ra đỡ. Phụng đang lỡ đà gần ngã sấp. Chàng nói với Phụng, giọng trách móc :

-Sao bà lại định giết tôi ?

Cái tiếng nói nhẹ nhàng ấy làm dịu cơn hăng tiết của Phụng.

Nàng nói :

-Tôi không định hại ngài, nhưng mà... tôi cần phải nghĩ đến sự giải thoát, thưa ngài !

-À, ra chỉ có thế mà bà định đổi ơn làm oán. Tôi đem bà từ hố sâu lên, tìm ngải đắp vết thương cho bà tỉnh lại là sẽ đưa bà ra khỏi rừng này. Tôi có cầm bà ở đây đâu?

Phụng xem Kòn Trô không dữ tợn như người ta tưởng, nên lòng cũng bớt lo. Lại nghe chàng nói năng lịch thiệp, nàng không tin rằng con người ấy lại là một kẻ đã từng cướp của giết người.

Thấy Phụng ra chiều tư lự, Kòn Trô nói với nàng :

-Bà hãy yên lòng đừng nghĩ xa xôi gì hết. Tùy bà muốn đi lúc nào cũng được, hay bà ở đây. tôi cũng sẵn sàng tiếp đãi bà như một quý khách. Bây giờ xin mời bà ra trại ngoài dùng bữa sáng rồi tôi sẽ đưa bà đi viếng những vùng quanh đây. Trong trại tôi có rất nhiều ngựa tốt.

Phụng nghe ruột đói như cào, liền mạnh bạo bước theo Kòn Trô ra trại ngoài.

Ánh nắng một mai hè, vàng tươi như một màu sơn mới, chan hòa khắp cảnh lâm tuyền.

* *

*

Hai con ngựa song song đi bước một trên triền đồi.

Phụng hỏi Kòn Trô :

-Núi này là núi gì ?

-Núi Kliu-bo (cọp trắng) hay Bạch Hổ Sơn cũng thế. Bà trông nó có giống hình một con cọp ngồi rình mồi không?

Phụng gật đầu, nói với Kòn Trô :

-Ta lên đồi chơi.

Hai người xuống ngựa, trèo lên đồi. Lên tới

đỉnh. Phụng mệt ngất, tựa vào một thân cây. Kòn Trô lấy nón quạt mát cho Phụng.

Ve sầu kêu ra rả trên các ngọn cây cao. Tiếng chim vui ca trong nắng hạ.

Phụng chóa mắt nhìn khắp bốn phía. Hơn sáu chục cái sàn nhà giống nhau vây tròn lấy trái núi.

Kòn Trô nói với Phụng :

-Bọn thủ hạ của tôi hơn một trăm người đều sống chung với nhau trong những căn trại ấy. Họ toàn là người Châu Mạ (Tcau-ma) gan dạ và đánh thép. Tôi dùng họ rất được việc và họ rất trung thành với tôi. Tôi bảo chết, họ chết. Tôi bảo sống, họ sống. Họ thương tôi và kính trọng như cha. Bà nghĩ còn lòng thương nào khăng khít hơn lòng thương của những kẻ vô gia cư, không cha, không mẹ, thân thế và cuộc đời gần giống như nhau, không cần phải cắt máu ăn thề mà họ cũng ăn ở với nhau một niềm chung thủy. Ấy cũng bởi sự chung đụng lâu năm nó gây cho họ tình đoàn kết bền bỉ, không ai có thể cắt đứt được. Ở đây, không có sự phản bội, không có sự man trá, không có sự ghen tị, nó làm cho người ta phải cực lòng lo nghĩ vì nhau. Tâm hồn họ đã hòa chung cùng cỏ cây hoang dại.

Phụng ngất lời :

-Nhưng sao tên ngài lại là Kòn Trô ?

Kòn Trô cười :

-À, cái đó lại khác. Nguyên bản dân Châu Mạ thấy tôi khỏe và gan lì, nên gọi tôi là Kòn Trô. Kòn là con, Trô là ông trời, nghĩa là con của trời sinh ra không sợ gì hết.

Phụng mỉm cười, nhìn Kòn Trô :

-Còn tên thật của ngài ?

Kòn Trô nhú mày, thở ra :

-Bà hỏi đến tên tôi tức là bà muốn tôi nhắc lại cái quá khứ đẫm máu mà vì nó ngày nay tôi phải chịu sống lẫn lút cùng cỏ cây hoang vu, xa lánh hẳn loài người. Bao nhiêu lạc thú êm đềm của tuổi trẻ, bao nhiêu hoài bão của một trái tim thanh xuân đành chôn trong góc núi, xó rừng này.

Phụng thương hại, hỏi :

-Ngài có thể nào cho tôi nghe cái dĩ vãng của một tên cướp có gì là đẹp đẽ ?

Hai người im lặng, nhìn xuống ruộng ngô rải rác quanh đồi. Kòn Trô chỉ một nhóm người dân tộc đang lúi húi dưới những nương khoai xanh, nói với Phụng :

-Bà coi ! Bọn chúng tôi trồng khoai, cấy lúa, gieo bắp, gây riêng một thế giới phóng khoáng, xa

hải gió bụi chốn thị thành. Chỉ vì một năm gạo thua, lúa kém, chúng tôi mới phải ép lòng đón người giạt của và cướp kho lương của ông đồn tại đây. Từ đó tiếng tăm Kòn Trô nổi dậy một vùng. Nhưng chúng tôi chỉ bạo động trong một năm ấy thôi, rồi thì cải ác, tùng thiện, trở về chốn cũ, cầm lại cái cày, quơ lại cái cuốc, sống một cuộc đời lương thiện như những kẻ nông dân. Thỉnh thoảng, chúng tôi lại bị bao vây nhưng vì không thuộc đường lối nên trăm người vào đây, khó mà trở về cho đủ. Cuộc đời tôi từ đó càng ngày càng nặng tội, càng ngày càng lem luốc, càng ngày càng xa nhân loại. Người đời cho bọn tôi là một lũ quỷ sống, uống máu người không tanh...

Có tiếng mõ tre nổi dậy từ trại này qua trại khác.

Phụng hỏi Kòn Trô :

-Họ làm gì vậy ?

Kòn Trô giảng :

-Người dân tộc đánh mõ gọi nhau về cho đủ mặt để ăn cơm trưa.

Phụng lại hỏi :

-Bao giờ thì Kòn Trô đưa tôi về ?

-Lát nữa tôi sẽ đưa bà ra khỏi nơi này. Hiện tôi đã cho người sửa soạn thắng yên cương hai con

tuấn mã sung sức nhất và đem theo đồ ăn đường. Sáng ngày mai chúng ta sẽ đến thác Mu Mi.

Có tiếng gà gáy trưa nghe buồn rười rượi. Hai người lặng lẽ xuống đồi.

Kòn Trô nói với Phụng :

-Bà có thể cho biết quý danh không ?

Phụng vui vẻ :

-Thế Phụng là tên tôi !

Kòn Trô lẩm bẩm :

-Thế Phụng ! Thế Phụng, cái tên đẹp quá !...

Rồi gã hỏi luôn Phụng :

-Chắc có lẽ ông nhà đang trông bà lắm !

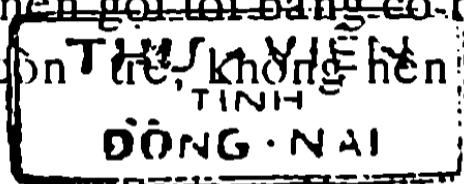
Phụng cải chính :

-Tôi chưa có chồng. Tôi có hai người bạn trai đi theo tôi, nhưng hồi hôm này, chúng tôi đã lạc nhau. Bây giờ, có lẽ họ đang nóng ruột chờ tôi lắm.

Kòn Trô khen :

-Thảo nào trông bà còn trẻ quá.

-Kòn Trô, anh nên gọi tôi bằng cô hay bằng em là hơn. Chúng ta còn trẻ, không nên xưng hô khách sáo như vậy.



Kòn Trô thấy lòng mình nhẹ nhàng như mọc cánh. Đã năm năm nay mới có cơn gió mát thổi qua vườn lòng căn cỗi của chàng.

* *

*

Nắng đã tắt từ lâu mà trời vẫn còn oi bức. Mặt trời khuất lần sau ngọn Kliu-bo. Bóng tối bắt đầu bao trùm sự vật : đứng gần nhau không trông rõ mặt người.

Kòn Trô nắm tay Thế Phụng dẫn ra sân. Có tiếng ngựa hí lẫn trong tiếng người líu lo trò chuyện. Có tiếng sắt và thép va chạm vào nhau. Người ta đang sửa soạn cho một chuyến đi xa.

Kòn Trô quát to :

-Sụt trời ! (thấp đuốc chai lên).

Tức thì tám ngọn đuốc lóe ánh sáng đỏ rực, phá khói mù nghi ngút.

Kòn Trô rót một cốc rượu, mời Phụng :

-Cô uống một chén rượu rừng cho ấm bụng .

Phụng âu yếm nhìn gã mỉm cười :

-Anh làm như thế đưa tôi ra ngoài quan ải !

Kòn Trô buồn rầu nói với Phụng :

-Có cuộc tổng tiến nào mà không làm bằng nước mắt mà có cảnh rẽ chia nào mà không có ly bôi? Cô uống chén rượu này gọi là chén rượu kỷ niệm buổi chia tay vậy !

Phụng đỡ cốc rượu, uống một hơi cạn. Mặt nàng hồng hồng, đẹp như tranh vẽ.

Kòn Trô hỏi một người dân tộc đứng gần đó :

-Dòn ạ zâ ? (mấy giờ ?).

-Prao zà! (sáu giờ !).

Kòn Trô quay qua, bảo Phụng :

-Ta lên đường !

Hai người lên ngựa. Hai người thổ dân cầm đuốc đưa đường.

Ra khỏi trại, bốn người cho ngựa phi nước lớn.

Nửa giờ sau, họ đã tới trảng tranh.

Kòn Trô nói với Phụng :

-Truông này nhiều hổ lắm. Cô đi lên trước, để tôi giữ hậu cho.

Phụng nhìn Kòn Trô tỏ vẻ cảm ơn.

Dưới ánh đuốc, chàng đẹp như những tay kỵ mã thời xưa.

Hết cây đuốc này, thay cây đuốc khác, đi quá nửa đêm thì tiếng thác Mu Mi đã nghe rõ.

Phụng nói :

-Tối hôm qua tôi cũng nghe tiếng thác đổ như đêm nay mà đi hoài không tới.

-Là vì cô không thuộc lối! Nhờ vậy mới có cuộc gặp gỡ hiếm có này : một cuộc kỳ ngộ đã đem lại cho lòng tôi biết bao cảm giác êm đềm...

Phụng thấy ngượng liền buông một câu hỏi băng quơ :

-Kòn Trô ơi ! Anh không nghĩ đến ngày quay về với cuộc đời lương thiện hay sao ?

Kòn Trô buồn rầu không nói. Vẻ cảm động hiện rõ trên mặt. Lời nói của ai kia như thúc giục tấm lòng ham muốn trở lại với người đời.

Phụng lại hỏi :

-Anh định sống suốt đời ở đây, sao?

Kòn Trô thấp giọng :

-Loại người họ có tha tôi đâu mà mong trở về với họ. Vả lại đối với pháp luật, tôi là một tên tử tù; con đường về, không bao giờ còn mở cửa nữa rồi!

Trời sắp sáng. Chim ngàn rộn rã lên đường.

Kòn Trô cho hai người thổ dân trở về, còn mình thì theo Phụng tới thác Mu Mi.

Kòn Trô chỉ một ngọn suối chảy ngang trước mặt, nói với Phụng :

-Chúng ta cho ngựa xuống lội một quãng dài, rồi leo lên đất. Làm thế cho lạc dấu. Lỡ có ai lần theo cũng không đáng ngại.

Phụng khen :

-Anh cẩn thận và mưu lược lắm !

Hai con ngựa lội bì bõm dọc dòng suối nhỏ. Gặp chỗ có nhiều đá, Phụng giật mình, mấy lần sắp ngã. Kòn Trô đưa tay đỡ nàng. Hai ngựa giao kẻ. Phụng nằm gọn trong cánh tay Kòn Trô. Nàng bẽn lễn nói :

-Không có anh, em té xuống ngựa rồi còn gì!

Kòn Trô mạnh bạo :

-Anh cũng ao ước sao em ngã nhiều lần như thế để anh được nâng đỡ tấm thân ngà ngọc của em. Những ngày sống của anh chỉ có nghĩa trên đoạn đường này thôi.

Phụng làm thinh. Lòng nàng hiu hiu một cảm hoài nhè nhẹ. Nàng chỉ thấy mình chỉ thương hại Kòn Trô thôi. Tuy nhiên, nàng cũng an ủi chàng :

-Mùa hè năm sau, em sẽ tìm về đây thăm anh. Một năm có là bao !

Kòn Trô nhếch một nụ cười đau đớn :

-Chừng ấy, biết anh còn sống để chờ em không? Em nên nhớ rằng lúc nào anh cũng sống trong sự nguy hiểm. Người ta đã đánh giá mạng sống của anh rồi!

Hai người im lặng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Tiếng thác đổ rầm rộ tưởng chừng như chuyển động cả trời đất.

Trời sáng dần. Gà rừng gáy khắp nơi, báo hết đêm dài. Hai người giật cương ngựa leo lên bờ suối.

Kòn Trô cảm giác như mình ngồi trên ngựa không vững nữa. Trời sáng mau quá. Kòn Trô không giữ được cảm động, ngùi ngùi ngâm lên như một người say rượu :

" Đêm nay còn của đôi ta

Ngày mai ngã bảy, ngã ba đường đời"(1)

Rồi chàng ngửa mặt lên trời cười sảng sặc.

1- Trong lần xuất bản đầu tiên năm 1941 là đoạn thơ nguyên bản tiếng Pháp của Lamartine (bài *Le Lac*). Lần tái bản năm 1988, tác giả đã thay như trên (B.Q.H).

Phụng cảm động khuyên chàng :

-Anh nên can đảm lên ? Người anh hùng không nên để lòng mình dễ rung động như vậy.

Kòn Trô vẫn cười sảng sặc. Ra khỏi cửa rừng, Phụng mừng rỡ :

-Thác Mu Mi kia rồi!

Dưới ánh bình minh lộng lẫy, hàng ngàn tấn nước từ ngọn sông cao đổ xuống vực sâu làm thành những tiếng động kinh hồn.

Phụng ghì cương ngựa lại bên bờ thác, nàng nhẹ nhàng nói với người bạn chung đường :

-Đã tới lúc chúng ta phải xa nhau, hử rồi!

Giọng nàng thấp mãi xuống vì cảm động.

Kòn Trô mỉm cười, từ giã :

-Thôi cô về ! Đã đến lúc tôi không còn theo cô được nữa. Giờ thì cô... em lên đường bình an.

Phụng cúi đầu, không nói. Kòn Trô ngậm ngùi rằng :

-Rồi đây năm tháng sẽ đi qua. Núi sẽ mòn. Sông sẽ cạn. Không có gì tồn tại dưới sức tàn phá âm thầm nhưng mãnh liệt của thời gian. Huống chi là một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi của hai người tuổi trẻ. Người ta rất dễ quên nhau...

Phụng vẫn cúi mặt, im lời. Những loạt thác trở đổ xuống ào ào, phá tan sự im lặng giữa hai người.

Bống Phụng ngẩng mặt lên chăm chú nhìn Kòn Trô. Cô gái trẻ cảm giác như trái tim mình ngừng đập. Rút một chiếc khăn tay ở túi ra, rồi hái một đóa trang rừng gói vào trong, Phụng mỉm cười nhét vào tay Kòn Trô :

-Đây ! Em chỉ có cái này làm kỷ niệm. Anh hãy giữ lấy nó, đừng làm mất, em bất thường đó !...

Kòn Trô đưa hoa lên mũi. Chiếc khăn tay thoảng một mùi hương nhẹ nhẹ, thơm như mái tóc của giai nhân.

Lúc ấy đúng vào mùa chai nở. Những cánh hoa li ti điểm trắng rừng xanh, lơ lơ như có một lớp tuyết phủ. Mặt trời đỏ chói, chồi lên sau ngọn Bạch Hổ Sơn; rực rỡ như một vùng hào quang tỏa quanh đầu đức Phật...

Phụng ngược mắt nhìn trái núi. Ngọn Bạch Hổ Sơn hình như cũng đang nhìn nàng. Phụng nói :

-Suốt đường về, mắt em sẽ không rời ngọn núi tri kỷ này!

Rồi nàng nắm tay Kòn Trô, nói nhỏ :

=Thôi, em đi!

Kòn Trô giữ bàn tay Phụng trong tay mình một lúc lâu. Sau cùng gã nói :

-Em đi, kéo muộn !

Phụng giục ngựa quay đi để giấu sự cảm động.

Bỗng Kòn Trô, gọi với theo :

-Thế Phụng !

Phụng dừng cương. Kòn Trô gượng cười, hỏi:

-Độ mấy giờ thì Phụng lên đường, về tỉnh ?

-Xế chiều nay !

Kòn Trô đưa roi ngựa lên cao khỏi đầu, vẫy vẫy giọng luyến tiếc :

-Chúng ta sẽ gặp nhau một lần chót tại cây số 90, ở đầu dốc lớn. Anh sẽ đón em ở đó, ba giờ chiều nay !

Phụng gật đầu. Con ngựa trắng chồm cổ lên cao, hí dài một hồi, rồi lao mình xuống triền hố...

* *

*

Bốn năm sau...

Có một cặp vợ chồng trẻ tuổi đến viếng thác Mu Mi đúng vào mùa trang nở. Bông trang rực rỡ nhuộm đỏ loáng rừng chạy dài theo hai bên bờ thác.

Cành chai điểm trắng những bông hoa non nhỏ li ti, trông xa như tuyết phủ.

Người vợ nắm tay chồng kéo ra bờ thác. Hai người đứng trên bờ đá cao nhìn xuống vực.

Những gộp đá khổng lồ, nằm gối lên nhau, bắt ngang con sông như một dãy cầu dài. Từng khối nước nặng nề trôi băng băng từ vực cao xuống vực thấp, tung khói sóng mịt mù.

Thiếu phụ nói nhỏ vào tai chồng :

-Ghê quá, mình ơi !

Chồng chỉ những bông trang rừng đỏ ối, âu yếm hỏi vợ :

-Em có thích những đóa hoa kia không ? Trông chúng nó rực rỡ như màu áo của em !...

-Hoa gì vậy, mình ?

-Trang rừng.

Thiếu phụ chau mày, lẩm nhẩm, lập lại :

-Trang rừng ! Trang rừng, những đóa hoa có sắc nhưng không hương...

Rồi như chợt nhớ ra điều gì, nàng giật mình chớp nhanh đôi mắt ướt. Lờ mờ trong dĩ vãng xa xăm, nàng mang máng sống lại cảnh “một đêm sương” của mùa hạ cũ. Hình ảnh người trẻ tuổi đã đưa nàng qua

những tấm rừng dày về thác Mu Mi, bỗng hiện về trong trí nhớ. Niềm cảm xúc reo động trong quả tim non sâu xa và thắm thía vô cùng. Có ai ngược về lối cũ của thời gian mà không thấy lòng mình bồi hồi rung động khi dòng tư tưởng ngừng lại ở một quá khứ đầy kỷ niệm ?

Thiếu phụ thì thầm :

-Kòn Trô !

Người chồng vội hỏi :

-Gì ? Em mới nhắc tới hai tiếng Kòn Trô ? Làm gì có Kòn Trô nữa mà sợ ! Tên cướp rừng khét tiếng ấy đã bị người ta giết mất cách đây bốn năm, vào một buổi chiều mùa hạ...

Thiếu phụ nắm lấy vai chồng, thất sắc :

-Ai giết ? Vì sao Kòn Trô lại bị giết ?

Chồng trách vợ :

-Mình lạ quá ! Cái chết của một kẻ cướp đã khiến mình quan tâm đến như thế kia, à ?

-Ồ, lạ quá...

Nàng lau mấy giọt mồ hôi đọng trên trán, nơi ấy lờ mờ một vết sẹo nhỏ. Nàng quay mặt, giấu một tiếng thở dài nhẹ nhẹ... Nàng tươi cười dịu giọng với chồng :

-Em muốn biết người ta làm cách nào giết

được Kòn Trô ? Em nghe người ta nói nó giỏi võ và khỏe mạnh lắm kia mà ?

Chồng tát yêu vợ :

-Có vậy mà cũng nóng nảy ! Thủng thỉnh anh kể chuyện cho mà nghe. Theo lời người ta thuật lại thì Kòn Trô chết vì một người con gái đến nghỉ hè tại đây.

Thiếu phụ biến sắc, cúi đầu.

Người chồng tiếp :

-Trong một cuộc đi săn lạc mất lối về, người nữ sinh ấy tình cờ lọt vào nội địa của Kòn Trô. Nó tiếp đãi nàng rất mực tử tế và sau cùng lại đưa nàng về thác Mu Mi. Vì quá nặng lòng trù mến, nó còn hẹn với nàng rằng nó sẽ theo và tiễn nàng một lần chót trên một đoạn đường về. Cũng bởi mạng nó đã cùng nên mới xui cô nữ sinh kia đem khoe chuyện ấy với hai người bạn học cùng lớp. Hai người kia lên đi báo tin cho ông đồn Châu Mạ hay...

Thiếu phụ rên lên một tiếng náo nùng :

-Bây giờ... mình mới rõ.

-Mình nóng quá ! Yên ! Tôi nói cho mà nghe. Thế rồi một nhân viên quản đồn với hai mươi người lính võ trang đầy đủ, ra mai phục ở ven rừng. Đúng mười lăm giờ đúng một khắc, Kòn Trô lững thững

cưỡi ngựa ung dung đi vào giữa hai hàng súng. Một tiếng hô to. Hai mươi khẩu súng cùng nhả đạn một lượt. Kòn Trô bị đạn khắp mình, máu me tuôn ướt áo.

Thiếu phụ rên rỉ :

-Trời ơi ! Thế thì chết mất còn gì ?

Người chồng lấy làm lạ dăm dăm nhìn vợ. Thiếu phụ gượng giữ vẻ bình tĩnh vừa cười vừa hỏi chồng :

-Nó chết chưa mình ?

Chồng tiếp :

-Kòn Trô quả thật không thẹn với tên. Thật là một người anh hùng dũng mãnh. Tuy khắp người bị thương, nó cũng còn sức ngồi trở mặt ra phía đuôi ngựa, thốc chân một cái, con tuấn mã nhẩy khỏi vòng vây. Con ngựa phi nước lớn. Nó ngồi trên mình con thú tinh khôn nhắm bắn ngã luôn năm người lính đồn rồi mới kiệt sức, rơi nhào xuống ngựa. Người ta xúm lại quanh nó. Nó nằm ngửa trên mặt lá ú, mắt mở trừng trừng. Lúc người ta sắp khiêng nó đi thì nó xin nằm nán lại vài phút. Đến khi nghe tiếng kèn xe hơi của ai vọng lên ở xa, nó mỉm cười mấp máy đôi môi. Nó đưa chiếc khăn tay đàn bà cho ông đồn và ra hiệu biểu đắp dùm mặt nó. Dem Kòn Trô về đến đồn thì nó chết.

Thiếu phụ nghe xong, hỏi chồng :

-Ai kể cho mình nghe rành mạch như vậy ?

-Anh đọc báo. Độ ấy mình không đọc thấy cái tin ấy sao ?

-Không ! Lâu quá, em quên mất. Vả, em sợ ý không hay đọc những tin tức đổ máu. Em sợ lắm. Em buồn lắm. Người ta cứ tìm cách giết hại nhau mãi...

Thiếu phụ ngược mặt lên. Núi Bạch Hổ đứng sừng trong cõi mịt mù của khói ngàn xanh xám. Một miếng mây trắng quấn qua đầu đỉnh non xa như một bức khăn tang. Hình ảnh trái núi kia trải bao nhiêu năm cách biệt, vẫn còn nguyên vẹn như tấm lòng không thay đổi của một người tri kỷ.

Thiếu phụ chùi mắt nói với chồng :

-Nắng hạ gay gắt quá làm em chói mắt, khó chịu. Nhìn coi đây! Nước mắt em cứ ràn rụa ra mãi thế này ! Chúng ta vào nhà “thủy tạ” nghỉ một lát đi mình!

Hai người quay đi.

Sau lưng họ, tiếng thác vẫn rền rĩ mãi không thôi như lời than khóc một nỗi hận dài...

Sông Bé, mùa nắng, năm 1941.

Sương gió biên thùý

Đoàn lữ hành ấy gồm cả thầy năm người. Chứng như một gia đình đi tị nạn. Chỉ có ba người đàn ông mang theo mình mỗi người một cây súng trường. Hai người đàn bà đi theo, không có khí giới. Bọn họ lẳng lẳng lần theo con đường quán hạt số 24, ngược dòng sông Đồng Nai.

Bấy giờ hầy còn đang mùa xuân, những mùa xuân ở miền Nam nước Việt là một quãng thời tiết đầy những nắng. Chẳng bù với mùa xuân ở đất Bắc, mưa bụi nghiêng nghiêng và mờ mờ suốt tháng, tắm ướt phố phường, chan hòa chốn sơn dã cây non, cỏ dại...

Cho nên suốt một quãng đường, màu đất đỏ như son, dâng bụi theo lên với gió rừng, bám đầy quần áo và mặt mũi bọn lữ hành. Cô gái trẻ nhất bọn đã bắt đầu thấy mệt. Cô đưa tay vuốt mồ hôi đọng trên má và chùi cả nước mắt đọng trên mi. Nhưng con đường vẫn xa, vẫn dài và vẫn rung nắng. Không một quán lá bên đường đón khách vì rừng đã thâm, đã lạnh, đã vắng lắm rồi. Người ta thường gọi là rừng già để chỉ một vùng sâm lâm, cây to, tàn lớn.

Có những thân cây to, vỏ sạm và nẻ như da thịt của một ông lão phong trần. Loài thảo dã này vốn ra đời trước loài người và đứng yên giữa cõi đất trời để chứng kiến bao nhiêu cảnh chợ chiều của nhân loại. Một tờ lá rụng là một trang sử ghi chép những vận bĩ, thời suy của những kẻ trải chuyển đồ nhân thế. Lá rụng để cho lá mọc, cũng như lớp người này chết đi, để cho lớp người khác thay thế. Mỗi lần cây thay lá là có một lớp tuồng nhân loại đang mở màn hay đến hồi kết cuộc.

Vậy, ngày mồng mười, tháng ba dương lịch năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm (1945) “lũ cây già” ở vùng sâm lâm thuộc miền trung lưu sông Đồng Nai đã nhìn thấy một đoàn người chạy loạn đi qua, và “lũ cây già” đã xoè mớ tóc bốn mùa sương gió ra làm bóng mát cho đoàn lũ hành.

Họ là những người đã từ nơi “tử địa” đi tìm “sinh lộ”. Kinh đô đã thất thủ rồi. Những thị trấn muôn trùng người, những thành quách lâu đài, tiêu biểu cho một nền kiến trúc văn minh đã lọt vào tay quân đội Phù Tang sau một đêm bạo hành. Súng nổ theo súng. Người ngã theo người. Sức mạnh đã thắng. Sự kháng chiến của quân đội bảo hộ tuy đông mãnh nhưng không cưỡng lại được với sức mạnh của bọn người xâm lược. Những ông già Việt Nam lại được dịp nhìn ra chân mây quan tái, nhai lại một câu sấm cũ của

Trạng Trình : “Bèo Nhật bản trôi man mác về Nam v. v...”. Họ không tin rằng sự di dịch của một nền đô hộ này thay cho nền đô hộ khác hoặc sự lật đổ một chế độ này thay vào một chế độ khác là do sự tiến hóa của loài người và của khoa học.

Thế rồi... có những người chiến bại cam chịu cảnh sanh cầm, nhưng có những người anh hùng kéo nhau vượt qua biên giới chờ ngày khôi phục. Có nhiều gia đình người Pháp thoát khỏi vuốt Phù Tang lần theo đám tàn quân ngược lên Ai Lao, sống một cuộc đời tự do với thổ dân cho tới ngày tàn cuộc thế giới chiến tranh.

Buổi trưa hôm ấy lại thêm một bọn người tị nạn đã đi dưới bóng những cây già và đã qua con đường đất đỏ.

Con đường vẫn vươn dài tưởng chừng như vô tận. Thỉnh thoảng lại dốc lên rồi lại đổ xuống như một cái đèo.

Người con gái phải gọi cha để khóc và thưa rằng : “Ba ơi ! Quả tình con không đi được nữa !”.

Ông già và hai người con trai dừng chân lại. Ông thở dài. Hai người con trai thở dài theo. Bà mẹ cũng đồng ý với con gái :

-Tôi cũng như con Rosée, không thể nào đi

được nữa ! Hay chúng ta nghỉ tạm đây một lát rồi hãy lên đường cũng còn sớm chán !

Ông già tặc lưỡi một cái, buông gói hành lý trên vai xuống đất. Ông cầu nhàu : “Con là nợ, vợ là oan gia !”. Cả bọn đang mệt nhọc cũng không nín cười được vì nghe ông già thốt ra một câu nghe đến lạ tai, một câu thật là trăm phần trăm Việt Nam.

Ông già nghiêm sắc mặt, cất nụ cười của mọi người :

-Có gì mà cười ! Tôi sống ở Việt Nam trên ba mươi năm, có vợ Việt Nam như bà mà lại không nói được một câu như vậy, à ?

Người con gái tóc nâu vẫn chưa khép nụ cười hoa đang nở trên vành môi thắm để lộ những cái răng nhỏ rức và trắng bóng như hột bắp.

Nàng ngồi xuống đất vừa xoa, vừa bóp hai bàn chân vừa xuýt xoa kêu đau. Hai bàn chân ấy từ nay đã từ giã thêm hoa để bước vào một con đường phiêu lưu vô định.

Một chiếc lá nhỏ uốn mình trong gió, bay là là xuống đậu trên làn tóc của Rosée như một con bướm nhỏ. Người mẹ đưa tay phủi chiếc lá rơi xuống đất, rồi vuốt má con. Trong khi ấy, người cha và gã con trai trải một chiếc khăn bàn cũ ra trên mặt đất. Cả gia đình ngồi quây quần quanh bữa ăn đã lạnh.

Nói là bữa ăn cho nó vui chứ thật ra mỗi người lãnh xong một miếng cơm cắt ra ở trong gói lá chuối thì trên mặt chiếc khăn bàn chỉ còn trơ lại có mỗi một thức ăn: món trứng trộn với cà chua chiên đựng trong một cái đĩa thiếc.

Năm người không ai buồn nói chuyện với ai, im lặng nhai và nuốt. Có lẽ họ đang mơ màng những bữa ăn sang trọng khi còn ở nhà.

Mặt trời nghiêng dần về hướng Tây. Tuy đang ở vào tiết nóng, người ta cũng cảm thấy khí lạnh của rừng thiêng bốc ra từ những hốc rừng ẩm ướt thấm vào da thịt, thấm vào lòng.

Tiếng ve kêu rè rè và dài ra hòa với tiếng thác đổ thiên thu. Người cha hỏi vợ và con :

-Mau lên ! Chúng ta còn phải đi mười cây số nữa mới đến chỗ nghỉ.

Cả bọn lại khăn gói lên vai, cúi đầu xuống không dám nhìn con đường đất đỏ vươn dài ra dưới nắng.

* *

*

Rosée mở mắt ra ngơ ngác nhìn quanh. Nàng thấy mình đang nằm trên một chiếc giường có lót

nệm, giữa một gian nhà vách cây, lợp lá. Trên đầu nàng một cái cửa sổ có chấn song bằng cây ngó ra một cái sân rộng. Có nhiều bóng người qua lại trong sân và bóng trâu bò đang nhai cỏ.

Trời vừa bình đông. Da trời ửng màu hồng lợt. Xa xa một trái đồi đứng chơ vơ trong sương mù như bóng một lão già cô độc.

Rosée định thần nhớ lại giấc mơ kinh khủng vừa qua. Khi nàng cùng cha mẹ và hai anh vừa tới đầu một cái giốc thì trời đã sâm sẩm tối. Đoàn lữ hành đã mệt lả mà vẫn chưa tới sở cà-phê của người bạn thân cha nàng. Chỉ thấy hai bên đường bóng cổ thọ nhòa đi theo bóng tối và những bụi tre già nghiêng hẳn xuống như những con ma rừng đứng rũ tóc chấn lối đi. Cả nhà Rosée vừa qua một cái cầu cây bắc ngang một con rạch nhỏ thì vừa bắt gặp chiếc xe hơi nhà binh Nhật đứng nghênh ngang giữa rừng như một cái bẫy đang nằm đợi kẻ sa cơ. Rosée không còn nhớ rõ trong hai cái bước cùm ấy mình đã hành động như thế nào. Nàng chỉ nhớ mang máng lúc ấy cha nàng và hai anh nàng vừa cỡi súng mang trên vai xuống, vừa thối lui. Hình như có rất nhiều bóng quân lính Nhật đang ngồi trên lê cỏ, đứng chồm dậy, quay cả những mũi súng về phía cha và hai anh nàng. Thế rồi, những tiếng súng trả lời cho những tiếng súng. Rosée nắm tay mẹ lủi vào rừng nhưng một viên đạn

ác nghiệt đã đoạn lìa tình mẫu tử. Rosée vừa khóc vừa chạy một mình giữa ngàn cây chìm lẫn trong bóng tối...

-Đây là nơi nào ?

Rosée vừa nghĩ thâm như thế thì bỗng có tiếng chân người bước lên cầu thang. Rõ ràng tiếng đế cứng của một đôi giày da đang nghiền những bậc gỗ nghe đến hãi hùng. Rosée đoán có lẽ mình đã lọt vào tay quân đội Phù Tang, và những tiếng giày kia là bước đi của một quân nhân Nhật. Trái tim nàng đập thình thình. Nàng nhìn lên vách để tìm một món khí giới tự vệ, nhưng trên vách chẳng có gì hơn là những bức tranh cổ và một chiếc đàn thập lục. Vừa tức giận vừa lo sợ, Rosée chỉ còn kịp hành động theo bản năng mình là nằm quay mặt vô vách giả vờ ngủ như một con ốc thu mình vào vỏ khi thấy bóng người. Tiếng giày đã giẫm lên sàn cây lót nhà và từ từ tiến lại giường, chỗ Rosée đang nằm. Rosée nghe như những tiếng giày ấy đang gõ vào tim mình. Bỗng nhiên tiếng giày nhẹ lẩn rồi dứt hẳn. Một làn gió nhẹ thoảng vào phòng mát rượi. Rosée cảm giác như luồng gió ấy là hơi thở của người đang đứng sau lưng mình. Và hơi thở ấy đã bước lên lưng nàng, vuốt ve bộ tóc óng ả như tơ của nàng.

Chẳng lẽ lại nằm yên, làm con mối dưới vuốt

một loài thú dữ, Rosée lấy hết can đảm quay mình lại và ngồi phất lên.

Trái với sự tưởng tượng của Rosée, đứng trước mặt nàng không phải là một quân nhân Nhật Bản mà lại là một gã đàn ông trẻ tuổi người Việt Nam. Người đàn ông mặc theo lối đi sẵn, đầu đội nón vành rộng, chân đi ủng da đen. Thấy Rosée ngồi dậy, gã nghiêng mình chào nàng và nói :

-Cô hãy còn một cú nằm nghỉ !...

Rosée bẽn lẽn vuốt mớ tóc rối của mình, gật đầu chào lại người đàn ông rồi cứ ấp úng mãi không nói nên lời. Gã đàn ông ôn tồn khuyên nhủ Rosée :

-Cô cứ yên lòng ở đây trong ít lâu. Hiện giờ quân đội Nhật Bản đang đi ruồng làng xóm để bắt người Pháp và những ai chứa chấp người Pháp. Nhưng đây là giang san riêng của tôi, quân Nhật không bao giờ tới được...

Nghe giọng nói người đàn ông có vẻ thành thật, Rosée đã bớt lo sợ. Nàng khẽ hỏi thiếu niên :

-Thưa ông, đây là nơi nào ?..

-Đây là Thanh Sơn, một làng mọi nằm giữa những khu rừng rậm nhất của hai quận Đồng Nai và Sông Bé.

-Nhưng... làm sao tôi ở lại đây ?

Nghe Rosée hỏi, gã đàn ông mỉm cười nhìn nàng, trả lời :

-Nếu cắt nghĩa cho đúng tại làm sao thì tôi cũng không biết tại sao một trang đài các tiểu thư như cô lại lọt vào sào huyệt một ổ cướp mà người đời không thể nào tìm tới được.

Rosée sửng sốt nhìn người đàn ông.

Thiếu niên cười :

-Chắc cô ngạc nhiên lắm là phải ! Không có gì lạ hết, thưa cô. Khi người ta không bằng lòng sống cuộc đời nô lệ, tức khắc người ta phải tìm phương cách giải thoát. Gần bốn năm nay, tôi sống xa hẳn người đời. Tôi lập một cội giang sơn riêng và mặc sức vẫy vùng như chim trời, cá nước. Tôi không nhìn nhận một pháp luật nào cả khi mà nước nhà tôi còn trong tay kẻ khác. Đồng bào chúng tôi đã lầm than lại càng lầm than hơn nữa, từ khi có dấu chân Nhật Bản giẫm lên non sông nước Việt.

Tôi đoán biết thế nào quân đội Phù Tang cũng sẽ dùng võ lực đánh đổ chủ quyền Pháp ở Đông Dương. Là vì hai con mãnh hổ không thể sống chung nhau trong một giang sơn để gặm gừ nhau trước một miếng mồi ngon. Thì nay sự tiên đoán ấy đã đúng. Tôi không có quan niệm thù ghét người Pháp, nhất là những người Pháp sa cơ, như cô là một. Cô cứ yên

lòng nường náo trong trại tôi ít lâu để chờ xem thời thế biến chuyển ra sao rồi sẽ liệu. Ở đây không có cao lương , mỹ vị, chỉ có những món rau, củ, khoai tầm thường. Ở đây không có sự hơn kém địa vị, không có giai cấp làm cho người này cách biệt hẳn người kia. Chỉ có những người sống ngang nhau, sẵn sàng chia xẻ cơm áo cho nhau và sẵn sàng chết vì nhau, nếu cần.

Kìa ! Cô hãy nhìn xem, chúng tôi đang đốt rẫy để lo mùa tới. Mùa xuân năm nay, chúng tôi đã tận lực tranh đấu với những hiện tượng thiên nhiên và chúng tôi đã thắng. Lúa đầy bồ. Rơm đầy sân. Người và vật đều no đủ. Thật không còn phần thưởng nào xứng đáng hơn.

Rosée nhìn theo ngón tay trở của gã đàn ông trẻ tuổi. Trên một khoảng đất nghiêng nghiêng như sườn đồi, dưới ánh nắng vàng như nghệ, một bọn mọi, mình trần, đóng “cần vọt” vừa vỗ rẫy, vừa cười, vừa nói rất hồn nhiên. Trâu và bò rượt nhau tung tăng trên bãi cỏ xa xa. Vẳng nghe có tiếng ngựa hí.

Người đàn ông trẻ tuổi nói tiếp :

-Mọi hôm tôi cũng xoay trần ra như anh em, cũng “đánh gốc” đốt chà vui đáo để. Hôm nay tôi nghỉ vì sau cuộc đi săn tình cờ ấy mà tôi được một người khách quý viếng trại...

Rosée bẽn lễn cúi đầu.

Mãi mãi nàng mới dám hỏi người đàn ông một câu mà nàng định hỏi từ trước :

-Thưa ông, cha, mẹ và hai anh tôi hiện giờ ra sao ?

-Khi chúng tôi tới giốc lớn thì quân Nhật đã bắt những người thân quyến của cô mang đi rồi, và hình như có một người đàn bà bị thương nặng.

Rosée ôm mặt thổn thức :

-Mẹ ơi !...

* *

*

Từ đó Rosée ở luôn trong sóc mọi Thanh Sơn.

Phong, tên người chủ ấp, hết lòng che chở và giấu giếm nàng khỏi lọt vào tay quân đội Nhật.

Không ai còn biết tên Rosée nữa. Người ta chỉ biết trong sóc mọi Thanh Sơn có một người con gái rất đẹp tên là Sương , phục sức theo lối thổ dân, cỡi ngựa rất giỏi và thường theo “ông chủ trại” dự những cuộc đón đường cướp xe lương của quân Nhật. Quân đội Phù Tang, mỗi lần phải qua con đường độc đạo nối liền hai quận Đồng Nai và Sông Bé, không dám đi lẻ loi như trước nữa.

Cái uy danh của nàng “chúa Mọi da trắng” không bao lâu đã vang dội tới tai quân đội Nhật. Chúng liền mở một cuộc hành binh lớn lao do những tên phản trắc dẫn đường, vào tận sào huyệt của nàng “công chúa Mọi da trắng”.

Lúc ấy vào cuối tháng ba...

Sóc Thanh Sơn đang vào hội. Ấy là lễ ăn Nhang. Năm nào cũng vậy, sau khi gặt hái xong, người Mọi mở một cuộc ăn chơi lớn.

Giữa một cái sân rộng có dựng một cây phướn (hơi giống như cây nêu) to và cao. Một con trâu mập mạp cột vào cây phướn ấy do một sợi dây xe rất chắc. Con trâu có thể chạy vòng quanh cây phướn ấy mà không thể nào trốn thoát được.

Người trong sóc đứng vây quanh cây phướn thành một vòng tròn. Sau khi nghe ông Bổng đọc những tràng kệ dài lễ “Srẻ pu”, bắt đầu người ta đánh chiêng, đánh trống và xua cho trâu chạy. Khi trâu chạy tới chỗ nào thì người đứng chỗ ấy cầm lao phóng vào mình trâu, hoặc chém vào chân, vào đầu trâu bằng những cái chà-gạt mài thật sắc. Người ta đâm, chém rất hăng vào mình con vật khốn nạn. Nó rống lên đau đớn, mình mẩy đầy những vết thương đâm máu.

Người ta cười lên sằng sặc, hò hét tưng bừng

cho đến khi trâu quy hẩn xuống đất. Bây giờ người ta xông lại dùng dao xẻ thịt trâu liệng vào lửa nướng sơ sài rồi vừa ăn, vừa nút rượu cần, vừa ôm nhau vật ngã lẫn xuống đất. Cứ thế người ta say ngày này qua ngày nọ.

Phong và Sương bỏ cuộc vui dẫn nhau đi ra bờ suối. Nàng đã say chệnh choáng phải dựa vào chàng mới đi vững bước. Hai người khấp khểnh bước đi trên con đường mòn phủ một lớp hoa chai trắng như tuyết rụng.

Buổi chiều đã thấp. Ánh nắng vàng vọt như màu da người mắc bệnh ngã nước chiếu yếu ớt lên những ngọn chai điểm bông trắng li ti như hoa tuyết. Gió hây hây ngắt những đốm hoa trắng đem cắm vào tóc hai người đang đi trên lối cỏ mòn.

Phong và Sương kéo nhau ngồi xuống một tảng đá phẳng như mặt bàn. Hai người vẫn thường lấy nơi này làm chỗ uống rượu để quên cái sầu thiên hạ.

Không ai nói với ai, họ thòng chân xuống suối. Nước xanh và mát lạnh. Bóng những con cá nhỏ đuổi nhau trên cát trắng trông rõ như đang lội trong một cái hồ.

Phong ngồi im lắng nghe tiếng chiêng, trống khua vang một góc rừng. Sương say quá, phải tựa đầu

vào vai chàng lim dim đôi mắt. Má nàng đỏ như da trời lúc bấy giờ.

Phong đỡ đầu bạn, kề miệng vào tai nàng, hỏi nhỏ :

-Hôm nào thì đến phiên chúng ta làm lễ cưới.

Sương không đáp, mở mắt nhìn chàng mỉm cười rồi từ từ nhắm mắt lại.

Phong nhìn nàng lẩm nhẩm :

-Phong và Sương ! ... Có sương lại có gió nữa ! Chúng ta đã gặp nhau trong kiếp phong trần cho nên cuộc đời của chúng ta rồi đây sẽ còn giông tố ! Sương ơi ! Sương đừng bỏ Phong nghe Sương !

Sương vẫn không mở mắt, đáp khẽ :

-Không. Phong và Sương sẽ không bao giờ xa nhau đâu !

Rồi Sương lại hỏi Phong :

-Nhưng đến khi nào Phong mới đem Sương trở về ánh sáng ? Chẳng nào Phong mới trở về với cuộc đời lương thiện ?

Phong mơ màng :

- Khi Tổ Quốc tôi có một ngọn cờ khởi nghĩa...

Sương và Phong nhìn nhau. Cái nhìn ấy như đã nói với nhau những nỗi u uẩn của lòng.

Bỗng những tiếng súng từ bốn phía rừng nổi lên, tiếp theo những tiếng người reo hò như có một cuộc tạo loạn dữ dội.

Phong kéo Sương đứng lên thì dãy nhà phía bắc đã bùng cháy. Tiếng tre nổ trong tiếng súng dồn...

* *

*

Cơn náo loạn ấy đã thổi bạt hai con chim về hai hướng trời.

Phong bị thương nặng phải vào ẩn trong một vùng thâm sơn thuộc quận Sông Bé.

Sương, không biết còn hay mất. Và nếu còn nàng đã xiêu lạc về đâu ?

Chiều chiều, Phong leo lên một trái núi cao, trông ra bốn hướng rừng. Trời xa và xanh vút. Ngàn cây chìm trong khói biếc mờ mờ. Phong buồn rầu nhớ lại những ngày oanh liệt cũ.

Một buổi sáng, Phong tìm về Thanh Sơn.

Giữa đám tro tàn, có nhiều dấu chân người và ngựa dẫm. Lăn xuống suối, là nơi đã từng soi bóng đôi uyên ương trẻ tuổi, Phong đã bắt gặp một phong thư nhỏ dấu dưới một hòn đá. Phong run tay mở thư :

Anh Phong,

Cũng như lần trước, Sương thoát chết. Và may mắn hơn, Sương lại gặp được một đoàn người sắp sang Lào để tiếp tục cuộc chống lại với phát xít Nhật. Sương tin rằng Phong chưa chết.

Nhưng cảnh điêu tàn đã khiến Sương thất vọng. Cảnh cũ vẫn còn đây nhưng người xưa đã vắng bóng. Phong ơi! Hiện giờ Phong ở phương trời nào ?

Sương viết thư này trong lúc đoàn quân sĩ sắp lên đường. Buồn quá, Phong à ! Những dòng chữ vắn tắt này không nói hết được nỗi buồn của Sương.

Cành cây, ngọn cỏ, giọng suối, lời chim, mỗi điều đều nhắc cho Sương nhớ lại những kỷ niệm êm đềm ngày xưa.

Thôi, giờ lên đường đã đến ! Sương khóc mà xếp thư lại. Phong ơi ! Phong có còn về đây không? Hay là bức thư gói ghém sự lòng của Sương sẽ mất đi trong sự u tịch của núi, rừng, hoặc tan rữa theo thời gian mưa, gió?

Chỉ có những trái núi mới không bao giờ gặp nhau, chớ loài người không đi khỏi vòng tròn của quả đất. Chúng ta thế nào rồi cũng sẽ tái ngộ !

Suối ơi ! Ta thường soi bóng trên mặt người. Người hãy giữ hình ảnh ta để trả lại cho người chủ trại Thanh Sơn là chúa cõi giang sơn riêng biệt này.

Thanh Sơn muôn đời bất diệt.

SƯƠNG

Nước mắt Phong rơi ướt cả tờ thư. Lần thứ nhất người đàn ông ấy khóc một người con gái.

* *

*

Tháng Tám năm ấy, ở Việt Nam, một cuộc cách mạng bùng lên như vũ bão. Một nước cộng hòa trẻ trung tuyên bố độc lập dưới bóng cờ khởi nghĩa.

Khắp nơi, những ổ giặc cướp đều tự giải tán trở về quy tụ dưới bóng cờ Tổ Quốc.

Cách đó không bao lâu quân đội viễn chinh đổ bộ lên bến Sài Gòn. Tiếng súng nổ đều khắp miền Nam nước Việt.

Sau nhiều trận giao phong oanh liệt với đạo quân đông mạnh ở Âu châu, dân quân bỏ những thị trấn lớn lui về đồng bái.

Trong một trận thư hùng ở miền Đông, một viên chỉ huy Việt Nam bị thương và bị sanh cầm.

Viên trung úy Pháp, cai quản đồn Thanh Sơn hỏi người tù binh Việt Nam:

-Tại sao các anh làm giặc chống lại chúng tôi?

Thiếu niên bình tĩnh đáp :

-Chúng tôi không làm giặc, chúng tôi làm cái việc mà trước đây nước Pháp đã làm...

Câu chuyện giữa hai bên chưa dứt thì một thiếu nữ Pháp mặc quân phục bước vào. Đôi mắt nâu của thiếu nữ gặp đôi mắt sáng của người tù binh Việt Nam. Bốn mắt vừa gặp nhau đã vội tránh nhau. Trong tâm hồn họ nổi lên những trạng thái khác thường.

Ít phút sau, người thiếu nữ bước ra khỏi phòng. Viên trung úy Pháp ra lệnh nhốt người trẻ tuổi vào trại giam. Nhưng mờ sáng hôm sau có tin gã tù binh đã vượt ngục. Quân đội Pháp liền gấp rút mở cuộc truy tìm.

* *

*

Trong khi ấy, trên một lối “sạn đạo” đi vào chiến khu của Vệ quốc đoàn Việt Nam, một con ngựa phi nước lớn đưa người chiến sĩ trở về với *Sương gió biên thù*...

Khi mặt trời làm một vệt sáng dài rạch đôi chân trời và quả đất, người trẻ tuổi cho ngựa đi chậm lại và giở một bức thư ra đọc :

Anh Phong,

Sương đã trả con chim đại bàng trở về với chân trời cũ rồi đấy nhé ! Sương không quên Phong nhưng hiện nay giữa chúng ta còn có một bức vụn lý trường thành ngăn cách.

Chừng nào hai dân tộc hiểu nhau, bấy giờ Phong hãy đi tìm Sương trong những nhà thờ lớn.

Thanh Sơn muôn thuở !

SƯƠNG

Gã đàn ông trẻ tuổi ngửa mặt lên trời thở dài rồi thúc ngựa phi mau qua gió lạnh. Trước mặt gã, rừng núi hát lên trong gió sớm như muôn quân reo hò...

(Mai, 1948)

Ngàn sau sông Dịch

Trong những buổi mát trời sau bữa cơm chiều, Trọng thường dở cuốn an-bum dán nhiều hình chỉ cho các con thấy chân dung của một người đàn ông, và bảo :

-Đây, bác Cương của bây đây !

Ba đứa trẻ không biết “bác Cương “ là người thế nào đối với chúng, nhưng cứ nghe chúng nhắc nhở tới hoài thì cũng đâm ra yêu người đàn ông có đôi mắt sáng trong cuốn an-bum của ba chúng.

Thằng Nhân, con Nghĩa và thằng Tín xúm quanh chân ba chúng, nghe ba chúng nói chuyện :

-Bác Cương của bây hiện giờ ở xa lắm. Trong cuộc chạy loạn vừa rồi ba và bác Cương đã lạc nhau. Ba nhớ vợ, nhớ con nên về quê ngoại sum họp với mẹ con bây. Bác giờ không biết còn mất ra sao và hiện đang ở phương trời nào. Người đàn ông ấy, ai đã gặp một lần không thể không yêu được.

Rồi Trọng gọi vợ :

-Mình ơi ! Lên mà xem hình anh Cương.

Vợ Trọng ở trong bếp “xì !” dài, nói vọng lên :

-Không ai rảnh rang đâu mà xem hình với ảnh.

Trọng buồn bã nhìn lên những đám mây khói đèn đang giăng mắc khắp bốn phương trời. Trọng xếp an-bum lại. Ba đưa trẻ âm lên :

-Ba ! Ba ! Để chúng con coi hình bác Cương, ba !

Trọng chiều các con, mở an-bum ra. Ba đưa vui đùa với nhau :

-Bác Cương của tao.

-Bác Cương của em.

-Không, của em mà.

Chúng cãi vã với nhau một hồi, rồi khóc âm lên. Trọng xoa đầu chúng, dỗ :

-Bác Cương không riêng của đứa nào cả. Bác Cương chung của thằng Nhân, con Nghĩa và thằng Tín.

Tức thì ba đưa cùng reo lên :

-Bác Cương.

Trọng âu yếm hỏi con :

-Chúng bây có yêu bác Cương không ?

Ba đưa cùng trả lời :

-Dạ có !

Trọng sung sướng mỉm cười, hình dung ra một người đàn ông bước mau qua lau lách và đang đứng ngóng dò trên một bãi sông xa. Buổi chiều loang xuống mặt đất rất mau và tuyệt nhiên không một bóng thuyền. Người viễn khách bối rối giữa hoàng hôn.

Trọng xếp tập an-bum lại, thở dài. Ba đưa trẻ ngây thơ hỏi Trọng :

-Chừng nào “bác Cương “ về đây ba ?

Trọng không đáp. Ba đưa trẻ làm nũng :

-Ba, bác Cương của con đâu, ba ?

Vợ Trọng dưới bếp đi lên, nhìn ba đưa con cười.

Vợ Trọng vốn hay “đổ quạu”, nhưng buổi chiều hôm nay là buổi chiều nhiều gió mát nên lòng người đàn bà thấy dễ chịu hơn mọi khi. Chị ngồi xuống nhưng không quên dặn Trọng :

-Đừng có đem chuyện bác Cương ra mà nói với tôi, tôi ghét lắm. Gạo hết rồi đó ! Không khéo có tiền mà không mua được gạo ăn, chết đói cả lũ bây

giờ. Chừng đó “bác Cương” có lại mà cứu sống nổi chúng ta không ?

May quá, giữa phút ấy, vợ gã lại dịu lại như ngọn gió chiều lúc bấy giờ :

-Đâu, bác Cương của bây trẻ đâu ?

Trọng thấy như cởi mở cõi lòng mình, gã run run lật từng trang giấy cứng. Sau cùng, chỉ vào bức ảnh bán thân của người đàn ông có đôi mắt sáng , miệng lấp bắp :

-Cương đây ! Cương đây !

Vợ gã chăm chú nhìn và hỏi :

-Hình như anh Cương có râu mép, phải không mình ?

-Không có, anh Cương còn trẻ lắm. Đó là cái bóng đen của mép chiếc mũ ngã thẳng xuống, mình có nhận ra chưa ?

Chị Trọng cười :

-Tay này không phải vừa, đôi mắt trông sáng quắc như ông tướng hát bội!...

Trọng hể hả nói với vợ :

-Mình nói đúng. Cương quả là tay chọc trời quấy nước, lại có tài đóng những vai anh hùng nghĩa khí trong những vở kịch lịch sử.

Tôi còn nhớ một lần trong vai Kinh Kha, tôi lãnh vai Thái tử Đan. Sân khấu bày ra một cảnh sông nước mênh mông. Ấy là bến Dịch Giang. Tôi đứng giữa một đám tân khách, rần hết gân cổ ngâm :

*“Nước sông Dịch đó dù không lạnh
Cũng rét lòng ta đến nảo nùng”*

Đám tân khách và tôi toàn mặc đồ màu trắng. Trong vai Kinh Kha, anh Cường đã làm cho khán giả cảm động. Người tráng sĩ hất chén rượu xuống sông Dịch, sang Tần...

Trọng ngừng lời, đôi mắt thoáng bóng mây mùa gió bắc. Gã đang sống lại vai người thái tử nước Yên đã tiễn đưa Kinh Kha qua sông Dịch.

Bây giờ, “Thái tử Đan “ sống lại một mình nơi đây, giữa ba người con nheo nhóc và một người vợ áo rách. Không có một dòng nước hiền ngang nào chảy qua để cho gã đàn ông mơ màng Dịch Thủy.

Nhưng chiều nào cũng như chiều nào, lòng gã rộn tiếng reo ba đào. Gã muốn đứng lên, ngâm lại những câu tiễn đưa bên bờ sông Dịch. Nhưng giọng gã không còn sang sảng như xưa nữa, vì cái nghề “gõ đầu trẻ” đã làm cho tiếng nói của gã yếu từ lâu. Chung quanh nhà chỉ toàn những vũng nước tù, tênh bênh những dây rau muống. Có những hôm mưa gió, gã ngồi giữa “thảo lư” rách nát, mơ một tiếng thác đổ

động sơn ngàn. Gã vùng đứng lên, nhưng ba đứa con của gã níu áo kéo gã ngồi xuống :

-Ba đi đâu ? Ba ngồi đây cho chúng con núp gió. Nhà đột lạnh quá...

Trọng cảm giác như có một bàn tay giá lạnh vừa bóp quả tim mình. Chân trời sụp xuống như những tấm vách thành, chắn bước chân ngang tàng của gã.

Trọng nghiêng rặng, thì thầm : “Cơm áo ! Vì cơm áo cả !”. Bàn tay gã chỉ đủ sức cầm nổi một ngọn bút mà thôi. Tơ lòng gã chảy ra trên mặt giấy như dòng tơ nhỏ của một con tằm. Nhưng đời nào cũng như đời nào, kiếp con tằm là kiếp khổ. Cho nên gã rất lấy làm lúng túng giữa cái “khám gia đình” mà gã thấy chật như cái kén của một con tằm.

-Mình ơi ! Giá như bây giờ có anh Cương về thăm tôi và ở luôn đây thì vui biết mấy ! Chúng tôi sẽ diễn lại cho mình xem cảnh Thái tử Đan tiễn Kinh Kha qua sông Dịch Thủy.

Chị Trọng ngao ngán thở dài. Đàn bà họ thực tế hơn.

-Nhà nghèo ! Ăn bữa sáng lo bữa chiều. Mình không thấy sao mà bạn với bè ?

Trọng nghe như có cả một lâu đài sụp xuống trong lòng mình. Gã đau đớn vuốt mặt nhìn ba đứa con nheo nhóc và người vợ rách rưới.

Chị Trọng tiếp:

-Nhà chỉ có một bộ ván, vợ chồng con cái chen chúc nhau nằm lục đục như heo trong chuồng. Thêm một người khách nữa, ai nằm dưới đất, ai nằm trên ván ?

* *

*

Từ buổi ấy trở đi, Trọng không bao giờ dờ tập ảnh ra nữa.

Thằng Nhân, con Nghĩa và thằng Tín, chiều nào cũng thấy nhớ mà không biết nhớ ai... Chợt có đứa nói :

-À, bác Cương !

Mất Trọng mờ đi trong ngấn lệ.

-Người tráng sĩ nước Yên qua sông rồi, các con ơi ! Người sang Tần không trở về Yên nữa ! Chỉ có ta ở lại bên này, ôm mối hận... Thôi hãy để yên cho người ra đi ! Các con đừng đứa nào nhắc nhở tới bác Cương nữa nhé !

Ba đứa trẻ khoanh tay ngơ ngác nhìn cái thái độ lạ lùng của ba nó. Đôi mắt Trọng buồn thăm thẳm !

* *

*

Đêm ấy là một đêm cuối mùa mưa.

Trọng đang cần bút để tìm một từ mới cho bài tập sắp thành hình, bỗng nghe có tiếng đập cửa cấp bách.

Trọng vội vàng đứng lên, che bớt ánh đèn rồi cẩn thận hỏi :

-Ai đó ?

Tiếng bên ngoài :

-Tôi đây, Trọng !

Nghe kêu đúng tên mình, Trọng toan mở cửa, thấy vợ chàng khoát tay ra hiệu bảo dừng. Trọng đang lưỡng lự, thì tiếng nói bên ngoài lại tiếp :

-Trọng ơi ! Cương đây ! Mở cửa mau lên !

Trọng reo mừng, rồi nhanh nhẩu mở cửa.

Một gã đàn ông vạm vỡ, lách cửa vào nhà, mang theo tất cả sự ướt át của mưa, gió bên ngoài.

Một lát sau, ngọn đèn đã đứng vững trên bấc. Gió đã bớt hăng. Cả nhà nhốn nháo. Bầy con của Trọng cũng thức theo mẹ, giương cặp mắt tròn ngơ ngác !

-Tôi bây giờ yếu quá. Trốn tránh mãi khó lắm. Tôi định ra mặt công khai dưỡng bệnh một ít lâu.

Vợ anh nhìn anh. Trên gương mặt của người đàn bà ấy, thoáng một vẻ không bằng lòng. Mà chị không bằng lòng là phải, vì giữa thời buổi này, ai dám chấp nhận như vậy ? Rủi ro có bề nào, thật khổ cả nhà.

Trọng đọc được ý nghĩ của vợ, nhưng sự đã lỡ rồi, biết làm thế nào. Trọng gượng làm vui, khoe với vợ:

-Anh Cương đóng kịch tài lắm mình ơi ! Hồi còn ở chung trong ban kịch “Quốc gia”, hễ anh Cương đóng vai Kinh Kha thì tôi đóng vai Thái tử Đan nước Yên. Lúc tiễn Kinh Kha qua sông Dịch, tôi bù ngùi khóc thật. Tôi tưởng như mình đang sống trong cảnh chia ly ngoài đời. Bây giờ, anh Cương đã về với chúng ta...

Trọng quay mặt qua phía Cương :

-Phải không Cương ? Anh ở đây với chúng tôi, có mắm ăn mắm, có muối ăn muối. Nhà chật, nhưng chúng ta sẽ trải chiếu xuống đất mà nằm, để cho đàn bà con nít nằm trên chõng. Chúng mình thì sao cũng được. Đàn ông với nhau cả...

Trọng cười hềnh hếch, nhưng khi day qua nhìn vợ, anh ta thấy vợ anh sa sầm mặt lại. Trọng đọc thấy sự không bằng lòng của vợ.

Khi về ở với Trọng, Cương không dám lộ mặt

đi đâu cả. Chàng ở nhà dạy mấy đứa con của Trọng học văn quốc ngữ, trong khi vợ Trọng hí hoáy nấu nướng dưới bếp. Nhà chật nên khói ám quanh năm. Người không quen sống trong cảnh này sẽ sặc mũi, chảy nước mắt, không làm được việc gì cả.

Ban đêm Trọng và Cương trải chiếu nằm dưới đất. Đã vậy, Cương lại hay mơ, thường nói lảm nhảm những câu nghe rất đáng sợ.

Vợ Trọng bắt đầu thấy khó chịu. Chị đã tởm về “cảnh khổ” của mình cho hàng xóm nghe. Và sau cùng, nhân một đêm tâm sự, vợ Trọng thổ thển bên tai chồng:

-Mình ơi, em không phải là con đàn bà kém lịch sự. Nhưng anh nghĩ mà coi ! Nhà không đủ ăn, lại chật hẹp. Trước cũng tưởng anh Cương tá túc trong vài ngày thôi. Nay đã ngót tháng rồi, không thấy anh ấy tính sao cả. Vậy mình cứ để cho em tự tiện dọn xếp chuyện nhà.

Ở đời này, sống bằng tình cảm chẳng ích gì ! Nếu anh cố giữ cho trọn tình bạn thì rồi cũng đến nghèo khổ thôi. Mình cứ để mặc em xếp đặt.

Trọng cắn môi, nhìn mái lán ám khói, lòng đau điếng.

* *

*

Trưa hôm ấy, tan sở. Trọng không về nhà. Chàng đi ăn cơm tiệm và tránh mặt, để cho vợ dàn xếp việc nhà. Không biết vợ chàng đã dàn xếp ra sao mà hồi gần một giờ trưa, Trọng đứng bên bờ sông, thấy bóng Cương lúi thủi bước xuống đò, giữa cơn mưa lất phất. Buồm ăn gió. Chỉ trong phút chốc, thuyền đã xa bờ. Lòng Trọng se thắt, ghen ngào :

-Kính Kha !Tráng sĩ đã âm thầm ra đi... Ta không tiễn người được một chung rượu.

Chiều, Trọng về nhà được một lá thư của hàng xóm trao lại :

Anh Trọng.

Cương muốn nán lại chờ Trọng để nói ít lời từ biệt. Nhưng Cương liệu không thể nào ở lại được, nên đành mang lỗi với Trọng vậy.

Kính Kha ra đi lần này thiếu mất chén rượu tiễn hành của Yên Thái tử rồi!

Cương.

Người hàng xóm trao lại cho Trọng hai gói giấy. Mở ra một gói, Trọng đếm được mười đồng và một mảnh giấy nhỏ :

Cháu Nhân.

Chú rất đau lòng khi phải từ giã cháu. Đây, chú biếu tất cả "gia tài" của chú để cháu ăn bánh.

*Trưa nay, khi Nhân về thì chú đã đi xa rồi.
Quả đất tròn, chú cháu mình rồi sẽ gặp nhau.*

Chú Cương.

Trong gói kia, Trọng thấy cuốn vần nhỏ và một miếng giấy khác :

Cháu Nghĩa và cháu Tín.

*Đây, chú biếu hai cháu quyển vần quốc ngữ.
Hai cháu ráng qua vần ngược nhé ! Sợ khi chú đi rồi,
hai cháu sẽ bỏ học, nên chú phải mua cho hai cháu
cuốn vần.*

Thôi chú đi...

Chú Cương.

Có những chiều, Trọng dẫn bầy con ra sông để mong một người. Nhưng khách lên bờ toàn xa lạ. Trọng nhìn thấy mấy làn khói cất lên ở chân trời, thở dài.

1949

Nắng bên kia làng

Hồi ấy, cách đây ba năm, tôi theo đám người chạy loạn về nương náu với bà con bên ngoại. Quê ngoại tôi là một xóm nhỏ, lẫn trong những khối rừng già thuộc quận Sông Bé. Muốn ra thị trấn gần nhất, người trong xóm phải đi bốn ngày đường rừng mới ra tới bến đò. Qua đò rồi, người ta phải kiếm nhà ngủ nhờ một đêm. Sáng hôm sau mới có đò máy từ Chánh Hưng xuôi dòng Sông Bé, ghé lại bến đò rừng hai mươi phút, để rước thêm khách.

Vì có một lối giao thông độc nhất ấy, nên nhiều khi đò máy trục trặc, hành khách phải đi bộ ngót ba mươi cây số mới ra tới tỉnh lỵ Biên Hòa.

Nếu không có cuộc chiến tranh quấy động cái đời sống an nhàn của tôi thì không biết đến bao giờ tôi mới có dịp trở lại miền đất đã gìn giữ nhau rún mình.

Bà ngoại tôi mất, năm năm sau cái ngày tôi theo cha mẹ ra tỉnh. Cậu tôi băng rừng, lướt bụi, mang

ra cho má tôi vành khăn trắng và một tin buồn. Tôi nhìn cậu tôi với đôi mắt xa lạ. Má tôi kêu tôi lại gần, âu yếm trách :

-Con không biết chào cậu con sao ?

Tôi khoanh tay và lạnh lùng buông hai tiếng “thưa cậu”. Trong mắt tôi hồi đó, cậu tôi là một bác nhà quê nào đó không đáng để ý bằng cái gã Tây phương hiệp sĩ Tom Mix đang chờ tôi đằng rập chiếu bóng.

Cậu tôi nhìn tôi, cười :

-Nó quên tao cũng phải, vì tao mau già quá !

Cậu tôi chưa nói hết câu, tôi đã quăng cặp sách chạy theo hai đứa bạn học. Một thằng ôn con hỏi tôi :

-Thằng cha già nào đó, mà y ?

Không dám nhận là cậu mình, sợ xấu hổ với bạn bè, tôi nói tránh :

-Một người quen với má tao ở nhà quê mới ra.

-Lại mò mẫm xin tiền, chớ gì ?

Tôi ngênh mặt lên trời, thọc tay vào túi quần Tây ngấn, đáp vợ vắn :

-Chắc vậy !...

Thật ra, lúc bấy giờ tôi đã biết hối hận. Nhưng không bao lâu tôi lại quên ngay. Mờ sáng hôm sau, khi tôi thức dậy thì cậu đã đi rồi. Má kêu tôi lại, trao cho tôi một sâu xu, xỏ vào một sợi dây chuỗi và nói với tôi :

-Cậu con xuống dò hồi khuya. Sợ kêu con mất giấc ngủ nên gởi má một đồng bạc, dặn khi con thức dậy thì cho con để dành ăn bánh.

Tôi bắt đầu nghĩ thương cậu tôi. Lúc cấp sách đi ra trường, tôi có ghé ngang bến đò. Ghe máy đã chạy từ lúc trời còn mờ sương. Tôi nhìn sông lạnh lẽo mình về một chân trời xa vắng. Mấy cây cao, vô hạn. Nước xuôi xuôi, vô định. Nỗi buồn của tôi mênh mông như mây nước lúc bấy giờ.

Thời gian qua, chất thêm niên kỷ lên mái đầu tôi. Nét mặt tôi già theo năm tháng, trong khi mái tóc của mẹ già lấm tấm điểm bạc. Má tôi không kham nổi những cay đắng của kiếp sống lầm than, khổ ải, đã từ già chúng tôi sau một năm vất vả vì bệnh phổi. Má tôi mất rồi, ba tôi vốn lạnh lẽo càng lạnh lẽo thêm. Nhà vắng. Cái không khí tang ma quanh quẽ như đọng mãi dưới mái ngói xám của ngôi nhà cổ. Nỗi buồn của cha già càng thăm thẳm, bởi lẽ tôi cứ làm kẻ tha hương quanh năm suốt tháng.

Có một buổi chiều, sau khi đã mang nhiều

vết thương đau ngoài thiên hạ, tôi cúi đầu cúi thủ tìm về dưới mái nhà cũ. Thấy tôi bước vào, ba tôi không nói gì. Người đang nhấp một chút rượu, chừng như để đốt lại ngọn lửa ấm trong lòng. Mắt người sáng lên. Tôi biết ba tôi mừng, nhưng không nói. Tôi lặng lẽ nhìn cái bóng mảnh khảnh của cha già, do ngọn đèn thấp sớm (mà hình như ba tôi để đèn quanh năm) hắt lên tường vôi sạm. Bóng người cha thân yêu in hiu hắt bên bức tranh cổ, vẽ hình một ông cụ già ngồi “độc ẩm” dưới trăng, trên một chiếc thuyền đã buộc vào bến, trên một đám lau sậy. Ông cụ già trong tranh như đang nuối tiếc những ngày lênh đèn thưở thiếu thời.

Thưở ấy, buồm chưa rách, tay chèo còn mạnh, thuyền dề sóng gió ngày xanh tìm ra lối Ngũ Hồ. Bây giờ thuyền đã mang nhiều tuổi tác. Ván mục khó kham với cồn sóng bao la. Ông cụ già đành cột thuyền lại trên một bến nước. Bến nhỏ, thiếu gió “Ngũ Hồ” nên lau lách đìu hiu run rẩy những lời thở than không thành tiếng.

Ba tôi yêu bức tranh ấy lắm. Già nửa đời người, ba tôi vẫn treo bức tranh trên tường. Ba tôi vẫn thích ngồi bên bức tranh nhấp rượu khà khà... Bây giờ ba tôi vẫn ngồi yên bên bức tranh cố hữu ấy. Ai vẽ nên thiên họa phẩm kia mà ba tôi yêu đến thế? Đừng hỏi ! Cũng như đừng tìm biết cuộc đời “hình

như bí mật lắm” của ba tôi. Cho nên khi tôi lớn lên, tôi chỉ biết có bà con bên ngoại. Tôi có hỏi ba tôi về họ hàng bên nội. Ba tôi chắc lưỡi gật gù, mắt lơ đãng phảng phất một quá khứ vụn vặt không thành hình. Mãi lâu, ba tôi mới nói :

-Xa lắm ! Quê nội xa lắm, con à.

Hoặc :

-Chết hết ! Chết hết rồi...

Tôi thì biết mang máng rằng : khi má tôi có mang tôi trong bụng thì ba tôi bị truy nã gắt gao. Ba tôi phải từ già vợ lẫn trốn và sau cùng được tin bị bắt, bị đày. Má tôi không chịu nổi cảnh bơ vơ, đơn chiếc, tìm về quê cũ và sinh tôi nơi đó. Tôi mở mắt chào đời giữa một vùng ma thiêng, nước độc. Cậu Sáu tôi trong khi đi rước bà mụ già ở cuối xóm, thiếu chút nữa bị cọp vồ, nếu không giỏi chạy.

Tôi lớn lên giữa một vùng thiên nhiên phóng khoáng bên những người thân yêu mộc mạc, xa ánh sáng của thị thành. Và như thế trọn bảy năm. Tâm hồn của những đứa trẻ nhút nhát run sợ trước cảnh bão tố đè rập rừng già, thổi tốc nhà tranh khiến phần đông người trong xóm nheo nhóc như một lũ chim mất tổ. Ấy là những cảnh khủng khiếp do mùa mưa gió gây nên, không kể những trận nước lũ đã mang chất độc của lá cây, cỏ mục, cùng những chất

phân ửng của muông thú pha vào nước nguồn làm cho hầu hết người trong vùng lả đi vì bệnh tật.

Trong mùa nực, thường có những cơn nắng cháy làm cho rừng khô bốc lửa. Tàn lá cháy đáp vào mái tranh gây thành những đám hỏa hoạn. Ban đầu một cái nhà cháy, sau hai cái nhà cháy và cuối cùng thì cả xóm. Một lần nữa, người ta lại thành ra bầy chim mất tổ. Nhà cháy, nhà sập thì cất cái khác. Cứ như thế, tháng này qua năm nọ.

Người ta không nghĩ gì đến sự thay đổi chỗ ở. Sự xê dịch đối với họ là điều tối kỵ. Họ thuộc vào hạng người an phận, chịu thua thiên nhiên, khoa học và bệnh tật. Có những người già đời, không hề xa làng ; sinh ở đó, sống ở đó và chết ở đó. Như cái cây, ngọn cỏ đâm chồi, nẩy mầm, lớn lên ở một chỗ và âm thầm tàn đi ở chỗ ấy.

Quanh năm, được đâu vài mươi lần, có những chiếc ghe bầu tải cá khô, mắm, cùng các thứ thực phẩm khác do thương buôn Hoa kiều đem lên bán. Ra tỉnh, đối với người trong xóm là việc đi lên trời. Trừ vài phiên họp làng ồn ào, người trong xóm sống yên lặng như chiếc bè trên mặt nước tù.

Trọn bảy năm dài, tôi nằm trong lòng bà ngoại nhiều hơn là nằm trong lòng mẹ. Là vì mẹ tôi phải buôn bán vất vả quanh năm. Một chuyến ra tỉnh trở về cũng mất bảy, tám ngày. Cậu Sáu tôi quần quật

với bầy trâu và lo đi kéo gỗ thuê, không mấy khi gần cháu. Tôi nằm trong lòng bà, lớn lên trong tay bà, như tôi đã nằm vắt vẻo trong chiếc võng cũ, trọn những ngày thơ ấu.

Nhưng có một hôm, hôm ấy khởi sự cuộc thay đổi đời sống của tôi. Hôm ấy, tôi theo mẹ ra ở luôn ngoài tỉnh, như một nhân vật tiểu thuyết từ giã chương trình này bước sang chương khác. Chính tôi cũng không ngờ, cũng như bà ngoại tôi và cậu Sáu tôi cũng không ngờ có cuộc chia ly mau đến như vậy. Nguyên do : Trong một chuyến đi buôn ở tỉnh về, má tôi đã thuật lại cho bà ngoại tôi nghe rằng : Ba tôi được ân xá hiện đang bị quản thúc trên tỉnh. Bà ngoại tôi mừng ứa nước mắt. Cậu tôi thở dài, quay mặt chỗ khác.

Má tôi ẵm tôi ra đi chiều hôm ấy cho kịp chuyến đò khuya. Cuộc chia tay lúc bấy giờ thật là chua xót. Bà ngoại tôi và cậu tôi ngủ lại ở bến đò cho đến khi đò rồ máy. Con đò đê lên ngàn bóng sao in mặt nước và lả tả dạt ra những cánh bèo. Đò lướt mình phẳng phẳng về hướng có một miếng trăng già treo lơ mờ sau vệt cây đen.

Từ ấy, tôi xa quê ngoại. Một bầu không khí mới vây bọc lấy tôi . Tôi bắt đầu quên. Lần lần tôi quên hẳn. Ba tôi dạy tôi học. Má tôi buôn bán, nuôi chồng. Vận tốt khiến mỗi ngày má tôi càng buôn may, bán đắt.

Thật là may mắn cho cảnh nhà cha, mẹ tôi. Hồi ấy, ba tôi không sao kiếm ra tiền. Sở “nhà nước” không nhận một kẻ có tiền án. Sở tư càng không nhận một kẻ mới ra tù. Láng giềng sợ ba tôi như sợ người hủi. Má tôi mỉm cười nhìn ba tôi, thương hại : “Mình cứ ở nhà, trông vườn tược. Nhờ trời, tôi vẫn được mạnh tay khỏe chân”. Ba tôi nhịu mảy, không nói. Sự lặng lẽ bắt đầu thấm lạnh tuổi tác ba tôi từ đó. Ngày ngày, ba tôi ngồi nhấp chén rượu, im lặng bên bức tranh cổ mà người rất lấy làm thú vị và giữ mãi cho đến bây giờ. Thỉnh thoảng một trái dừa rụng trong vườn đánh đập không làm cho ba tôi giật mình. Ba tôi lại nâng chén rượu, và cười khà...

Những năm về sau, tôi bắt đầu hiểu ba tôi. Nhưng đó là lúc cha con phải sống xa nhau. Tôi vâng lời mẹ, lên học ở trường lớn Sai Gòn. Một năm sau, tôi lại ra học ở Huế. Từ đó, tâm hồn tôi lần lần bị nước mây quyến rũ. Còn ngồi ở ghế nhà trường mà tôi đã xây mộng sông hồ. Chính vì cái chí hướng kỳ quặc ấy đã làm cho mẹ già tôi đau khổ. Người buồn rầu bỏ buôn bỏ bán và mang chứng bệnh ưu tư cho đến lúc từ trần. Nhưng, đành vậy, mẹ tôi chỉ sanh ra thân thể tôi thôi. Còn khuynh hướng của tâm hồn tôi một phần đã giống cha tôi, tôi không thể chiều theo ý mẹ được.

Má tôi mất không bao lâu thì tôi đã trở thành